

Số: 22 /2008/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 24 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý đầu tư, thực hiện các dự án Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 (gọi tắt là Chương trình 135 giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Lào Cai

BỘ XÂY DỰNG
CÔNG VĂN ĐẾN
SỐ 10793
ĐI 9/08

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 676/2006/TTLT-UBND-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 08/8/2006 hướng dẫn thực hiện Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2006-2010;

Xét đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 429/TTr-BDT ngày 17/6/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về quản lý đầu tư, thực hiện các dự án Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 (gọi tắt là Chương trình 135 giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Giao Trưởng Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với thành viên Ban chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành: Ban Dân tộc, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Lao động Thương binh và xã hội, Tài chính; Thành viên Ban chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND ngày 21/3/2007 của UBND tỉnh Lào Cai về việc Ban hành Quy định về quản lý đầu tư, thực hiện các dự án Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Các Bộ: KHĐT, TC, XD, NN&PTNT;
- TT, TƯ, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, các chuyên viên.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Cường



QUY ĐỊNH

Về quản lý đầu tư, thực hiện các dự án Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 (gọi tắt là Chương trình 135 giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Ban hành kèm theo QĐ số: 22 /2008/QĐ-UBND ngày 24/16/2008 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các dự án đầu tư, thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II trên địa bàn tỉnh Lào Cai (các xã và các thôn, bản trong danh sách được Chính phủ phê duyệt), bao gồm các dự án sau:

1. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất;
2. Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu;
3. Dự án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn bản và cộng đồng giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật;
4. Chính sách Hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và sử dụng vốn đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

- Chương trình 135 GD II được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, trên tinh thần Nhà nước và nhân dân cùng làm, gồm: Vốn ngân sách Nhà nước; vốn huy động từ nhân dân địa phương; vốn do các cơ quan, đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội hỗ trợ.

- Vốn đầu tư hàng năm không phân bổ chia đều các xã mà căn cứ điều kiện thực tế từng xã (số thôn, bản, số hộ còn trong điều kiện đặc biệt khó khăn), hiệu quả thực hiện đầu tư của địa phương các năm trước đó để ưu tiên đầu tư.

2. Đầu tư đảm bảo tính công khai, dân chủ, tăng cường phân cấp cho cơ sở:

- Đầu tư và giám sát theo đúng quy định của pháp luật, việc xây dựng dự án và lập kế hoạch do nhân dân cùng bàn bạc, lựa chọn nội dung, danh mục đầu tư theo đúng quy chế dân chủ ở cơ sở và được Thường trực HĐND xã thông qua; trong đó ưu tiên cho những công trình có tác động trực tiếp đến việc giảm nghèo, giải quyết các nhu cầu bức xúc ở cơ sở.

- Tăng cường phân cấp cho UBND xã quản lý các dự án của chương trình, khuyến khích các xã tự tổ chức cho nhân dân thực hiện các dự án được đầu tư trên địa bàn. Các nhà thầu thi công phải ưu tiên sử dụng lao động trong xã để gắn quyền lợi, trách nhiệm, tăng thu nhập cho nhân dân địa phương, quản lý khai thác có hiệu quả dự án đầu tư.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

Điều 3. Đối tượng hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Hộ nghèo theo chuẩn nghèo tại Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 8/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006 - 2010; nhóm hộ đang sinh sống trên địa bàn các xã, thôn thuộc phạm vi Chương trình 135 giai đoạn II.

2. Những hộ được thụ hưởng chính sách phải được bình chọn công khai, dân chủ từ cơ sở, UBND xã lập danh sách thông qua thường trực HĐND xã trình UBND huyện phê duyệt.

Điều 4. Nội dung đầu tư

1. Hỗ trợ hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công.

a) Tuyên truyền các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, thông tin thị trường, giá cả; in ấn phát hành tài liệu và phổ biến đến các hộ dân một số quy trình sản xuất cây trồng, vật nuôi, bảo quản, chế biến nông, lâm sản;

b) Bồi dưỡng, tập huấn, truyền nghề để nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý kinh tế nông nghiệp nông thôn;

c) Tổ chức thăm quan, khảo sát học tập kinh nghiệm sản xuất trong và ngoài địa phương.

2. Hỗ trợ xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất:

a) Mô hình chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến, nông, lâm, thủy sản;

b) Mô hình sản xuất gắn với chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản;

c) Mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

3. Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (chỉ áp dụng đối với hộ nghèo);

a) Giống cây trồng gồm: Cây lương thực, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu và các loại cây khác có năng suất chất lượng, hiệu quả kinh tế cao;

b) Giống vật nuôi, thủy sản gồm: Đại gia súc, tiểu gia súc, gia cầm và thủy sản;

c) Vật tư sản xuất gồm: Phân hoá học các loại, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác.

4. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, máy móc, công cụ phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản nông, lâm sản.

Điều 5. Xây dựng dự án, lập kế hoạch

1. Kế hoạch, dự án đầu tư cả giai đoạn 2006-2010:

a) Cấp xã: Căn cứ mức vốn bình quân của Chương trình đầu tư cho một xã, thôn, UBND xã tổ chức họp dân và khảo sát từng thôn, bản để thống nhất lựa chọn, đề xuất nội dung đầu tư, lập danh sách hộ được hưởng lợi từng nội dung. Sau đó tổng hợp thành kế hoạch của xã và thông qua thường trực HĐND xã gửi lên UBND huyện;

b) Cấp huyện: Trên cơ sở kế hoạch của UBND cấp xã, UBND huyện tổ chức rà soát, tổng hợp thành dự án của huyện gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn cho ý kiến thống nhất bằng văn bản, sau đó Chủ tịch UBND huyện quyết định phê duyệt và báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc, Sở kế hoạch và Đầu tư. Dự án của huyện tách riêng từng xã, trong đó nêu rõ quy mô, khối lượng và số hộ tham gia hưởng lợi từng nội dung đầu tư.

c) Cấp tỉnh: Căn cứ dự án của từng huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp thành dự án toàn tỉnh, thống nhất với Thường trực Chương trình 135 của tỉnh, Sở kế hoạch và Đầu tư, trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Kế hoạch hàng năm:

a) Thời gian lập kế hoạch hàng năm: Triển khai từ thôn, bản đến cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh theo thời gian xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương;

b) Trên cơ sở kế hoạch của cả giai đoạn 5 năm, UBND xã chỉ đạo thôn, bản họp dân bình bầu danh sách hộ có kèm theo bản cam kết thực hiện của hộ tham gia từng nội dung đầu tư, tổng hợp thành kế hoạch hàng năm, thông qua Thường trực HĐND xã, sau đó trình UBND huyện, UBND huyện căn cứ kế hoạch của các xã và tổng mức vốn được UBND tỉnh giao, tổng hợp thành kế hoạch hàng năm của huyện. Trước khi UBND huyện phê duyệt phải thống nhất với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nội dung, nguồn vốn đầu tư bằng văn bản, sau đó trình thường trực HĐND huyện thông qua. UBND huyện phê duyệt gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Dân tộc trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch. Ủy ban nhân dân các huyện giao kế hoạch chi tiết cho các xã, đơn vị tổ chức triển khai theo đúng trình tự tại điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 6 mục I chương II của Quy định này.

3. Đối với thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II:

a) Trình tự xây dựng kế hoạch và trình duyệt như đối với các xã đặc biệt khó khăn;

b) Kế hoạch của các thôn, bản đặc biệt khó khăn tổng hợp chung vào kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất của huyện trên cơ sở định mức được Trung ương, tỉnh phê duyệt và phân bổ. Tổng số thôn bản được hưởng lợi là 04 thôn, bản/xã/năm, các huyện xây dựng kế hoạch sao cho khi kết thúc Chương trình các thôn đặc biệt khó khăn đều được đầu tư;

c) Đối tượng hưởng là các nhóm hộ, hộ nghèo thuộc các thôn, bản đặc biệt khó khăn của xã khu vực II;

4. Nguồn vốn giao cho các huyện, kết thúc năm tài chính không giải ngân hết được thực hiện theo luật ngân sách.

Điều 6. Quản lý đầu tư

1. Hình thức quản lý vốn:

a) Vốn sự nghiệp sử dụng cho các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi, vật tư sản xuất; hỗ trợ xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất;

b) Vốn đầu tư phát triển sử dụng hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp, công cụ chế biến, bảo quản sản phẩm.

2. Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, Ban giám sát xã:

a) Chủ đầu tư: UBND huyện giao cho UBND các xã có cán bộ đủ năng lực theo pháp luật quy định để phân cấp cho xã làm chủ đầu tư tổ chức thực hiện toàn bộ hoặc từng nội dung đầu tư trên địa bàn xã, còn lại do UBND huyện làm chủ đầu tư;

b) Ban quản lý dự án: Đối với xã được giao làm chủ đầu tư thì sử dụng Ban quản lý xây dựng cơ bản của xã để quản lý điều hành thực hiện, trong đó bố trí thêm cán bộ chuyên môn về nông lâm nghiệp;

Đối với những nội dung không giao cho xã làm chủ đầu tư thì UBND huyện giao cho Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế của huyện làm đầu mối quản lý việc thực hiện;

c) Ban giám sát xã: giám sát việc thực hiện dự án trên địa bàn xã từ giai đoạn lập dự án, kế hoạch cho đến nghiệm thu, thanh quyết toán nguồn vốn đầu tư ở xã.

3. Trình tự thực hiện

a) Đối với nội dung quản lý theo nguồn vốn sự nghiệp:

Trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh phê duyệt hàng năm, UBND các huyện phân khai chi tiết cho các chủ đầu tư, đồng thời gửi Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính làm cơ sở cấp phát vốn và theo dõi chi đạo.

Chủ đầu tư căn cứ kế hoạch được giao xây dựng phương án chi tiết trình UBND huyện phê duyệt.

Sau khi UBND huyện phê duyệt phương án, chủ đầu tư tổ chức triển khai, lựa chọn đơn vị, cá nhân có đủ năng lực cung cấp dịch vụ ký hợp đồng; đồng thời phối hợp với Ban giám sát xã giám sát việc thực hiện.

Trường hợp giá trị dự toán mua sắm hàng hoá thuộc nguồn vốn sự nghiệp lớn hơn 100 triệu đồng thì chủ đầu tư tổ chức đấu thầu theo quy định hiện hành về đấu thầu mua sắm hàng hoá.

b) Đối với nội dung quản lý theo nguồn vốn đầu tư phát triển:

Căn cứ kế hoạch hàng năm đã được duyệt, chủ đầu tư tiến hành các thủ tục lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (nếu không tự xây dựng được) trình UBND huyện quyết định; lập, trình duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật - dự toán chi tiết (một bước) trình UBND huyện phê duyệt; lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ trình UBND huyện phê duyệt; ký hợp đồng, triển khai giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 15 của quy định này;

c) Việc thẩm định, phê duyệt dự toán một số hàng hoá dịch vụ, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3852/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của UBND tỉnh Lào Cai về việc quy định giá trị tài sản, hàng hoá, dịch vụ khi mua sắm bằng nguồn vốn

ngân sách nhà nước phải thẩm định giá dự toán và mức thu dịch vụ thẩm định giá, cung cấp thông tin giá và dịch vụ khác trên địa bàn tỉnh;

d) Nghiệm thu bàn giao.

- Chủ đầu tư nghiệm thu các nội dung dự án hoàn thành, gồm các thành phần đại diện: Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, đơn vị cung cấp hàng hoá, dịch vụ, Ban giám sát xã, thôn, bản hưởng lợi.

- Chủ đầu tư bàn giao cho UBND xã (nếu cấp huyện làm chủ đầu tư); UBND xã bàn giao các nội dung hoàn thành cho hộ, nhóm hộ trực tiếp quản lý, sử dụng.

Điều 7. Cấp phát và thanh, quyết toán vốn đầu tư

Công tác cấp phát tạm ứng, thanh toán vốn theo hướng dẫn của Kho bạc tỉnh; quyết toán vốn đầu tư dự án theo hướng dẫn của Sở Tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý vốn sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (Chi cục Hợp tác xã và phát triển nông thôn) là cơ quan thường trực:

a) Xây dựng đề cương chi tiết hướng dẫn lập kế hoạch thực hiện giai đoạn 2006-2010 cho cấp xã và lập dự toán cho cấp huyện, sau đó tổng hợp dự án chung của toàn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt;

b) Chủ trì việc hướng dẫn các đơn vị lập, thực hiện kế hoạch hàng năm, tổng hợp kế hoạch đầu tư hàng năm, thông nhất với Thường trực Chương trình 135 của tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trình UBND tỉnh phê duyệt;

c) Trong trường hợp cần thiết cho phép Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thống nhất với UBND huyện để điều chỉnh nội dung, mức vốn cho từng hạng mục trong tổng hạn mức kế hoạch đã được UBND tỉnh giao hàng năm, sau đó báo cáo UBND tỉnh và thường trực Chương trình 135 của tỉnh;

d) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các ngành liên quan xây dựng mức hỗ trợ cho từng nội dung, đối tượng hỗ trợ của dự án; định mức kinh tế-kỹ thuật, đơn giá trình UBND tỉnh phê duyệt để làm cơ sở lập, phê duyệt dự toán và thanh quyết toán;

đ) Soạn thảo, phát hành tài liệu hướng dẫn sử dụng tài sản dùng chung của nhóm hộ được hình thành từ dự án và các tài liệu cần thiết khác để hướng dẫn thực hiện dự án;

e) Phối hợp chỉ đạo và hướng dẫn các chủ dự án tổng kết, phổ biến và nhân rộng mô hình sản xuất trên địa bàn;

f) Hướng dẫn công tác báo cáo của cấp huyện, cấp xã; kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện dự án, đề xuất các giải pháp, cơ chế, chính sách, báo cáo ban chỉ đạo Chương trình 135 tỉnh theo định kỳ hàng tháng, quý, năm; tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo các bộ, ngành Trung ương theo yêu cầu.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND các huyện tham mưu cho UBND tỉnh cân đối lồng ghép bố trí nguồn vốn thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các huyện (Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế là cơ quan thường trực):

a) Tổ chức xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch, dự án của huyện theo đúng quy định tại Điều 5 Quy định này;

b) Tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật, dự toán và các thủ tục đầu tư theo đúng quy định từng nội dung dự án;

c) Thống nhất với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn về nội dung kế hoạch hàng năm trước khi giao cho các xã, đơn vị.

d) Hướng dẫn UBND xã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, dự án; chịu trách nhiệm về hiệu quả tổ chức thực hiện dự án và hiệu quả sử dụng nguồn vốn được giao;

đ) Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch, dự án trên địa bàn huyện, báo cáo định kỳ hàng tháng, quý năm về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình 135 tỉnh;

e) Tạo điều kiện cho công tác giám sát, kiểm tra của cơ quan chủ quản dự án và các ngành liên quan;

f) Làm chủ đầu tư trong trường hợp xây dựng các mô hình điểm của huyện áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cao.

4. Ủy ban nhân dân xã:

a) Chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của dự án phát triển sản xuất trên địa bàn, kết quả và hiệu quả sử dụng vốn;

b) Xây dựng kế hoạch cả giai đoạn và hàng năm, trình UBND huyện phê duyệt;

c) Làm chủ đầu tư trong trường hợp được UBND huyện giao;

d) Tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung dự án đến nhóm hộ, hộ;

đ) Kiểm tra việc thực hiện dự án;

e) Báo cáo định kỳ tháng, quý, năm về tiến độ, kết quả thực hiện dự án với UBND huyện;

f) Tổ chức giám sát cộng đồng các dự án được đầu tư trên địa bàn xã theo quy định.

Mục 2

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU

Điều 9. Đối tượng, suất đầu tư công trình (do vốn ngân sách đầu tư)

1. Đầu tư xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn II:

a) Đường giao thông đến thôn và đường liên thôn: Chỉ đầu tư nâng cấp, thực hiện theo quy định đầu tư về đường giao thông liên thôn của UBND tỉnh, đầu tư công trình thoát nước vĩnh cửu, nhân dân không có khả năng tự làm được;

b) Sửa chữa đường đến trung tâm xã: chỉ đầu tư sửa chữa công trình bị thiệt hại do thiên tai có tính cấp bách;

- c) Thủy lợi: Đầu tư công trình trong nội xã, suất đầu tư tối đa của công trình nâng cấp là 70 triệu đồng/ha, làm mới là 110 triệu đồng/ha;
- d) Cấp nước sinh hoạt; công trình nâng cấp là 5 triệu đồng/hộ, xây dựng mới là 10 triệu đồng/hộ.
- đ) Cấp điện lưới quốc gia: đầu tư xây dựng mới là 12 triệu đồng/hộ;
- e) Trường học (kể cả các công trình phụ trợ, thiết bị) đầu tư theo mẫu thiết kế do UBND tỉnh phê duyệt;
- f) Trạm y tế xã (kể cả các công trình phụ trợ, thiết bị) đầu tư theo mẫu thiết kế do UBND tỉnh phê duyệt;
- g) Chợ (san tạo mặt bằng và nhà chính, cấp điện, cấp nước, thoát nước, nhà WC);
- h) Nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, bản; vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ 25 triệu đồng/nhà.

2. Đầu tư tại thôn, bản của xã khu vực II thuộc Chương trình 135:

- a) Đường giao thông đến trung tâm xã: thực hiện theo quy định đầu tư về đường giao thông liên thôn của UBND tỉnh.
- b) Thủy lợi: Đầu tư công trình trong nội xã, suất đầu tư tối đa của công trình nâng cấp là 70 triệu đồng/ha, làm mới là 110 triệu đồng/ha;
- c) Cấp nước sinh hoạt; công trình nâng cấp là 5 triệu đồng/hộ, xây dựng mới là 10 triệu đồng/hộ;
- d) Cấp điện lưới quốc gia: đầu tư xây dựng mới là 12 triệu đồng/hộ;
- đ) Phân hiệu trường tiểu học, mầm non (kể cả công trình phụ, thiết bị);
- e) Nhà sinh hoạt cộng đồng: vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ 25 triệu đồng/nhà.

3. Trường hợp đặc biệt: Công trình đường liên thôn hoặc công trình có suất đầu tư cao hơn quy định thì UBND huyện báo cáo Sở kế hoạch và Đầu tư và thường trực Ban chỉ đạo Chương trình 135 tỉnh, trình UBND tỉnh Quyết định sau đó mới được triển khai thực hiện.

4. Suất đầu tư quy định tại mục c, d, đ khoản 1 Điều 9 của Quy định này được áp dụng cho các công trình cơ sở hạ tầng vùng nông thôn đầu tư bằng nguồn vốn khác:

Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt – Trung, QĐ số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn; Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Chương trình bố trí lại dân cư...

Điều 10. Việc quản lý đầu tư xây dựng

Các công trình thuộc Chương trình 135 giai đoạn II thực hiện theo Luật Xây dựng ngày 26/11/2003, Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng

công trình, các văn bản pháp luật khác liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng và một số nội dung cụ thể thực hiện theo Quy định này.

Điều 11. Xây dựng dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu (kế hoạch đầu tư giai đoạn 2006-2010)

1. Cấp xã: Căn cứ mức vốn bình quân đầu tư một xã, thôn thuộc Chương trình 135 giai đoạn II, UBND xã tổ chức họp dân và khảo sát từng thôn bản để thống nhất lựa chọn, đề xuất danh mục công trình, sau đó tổng hợp kế hoạch, thông qua Thường trực HĐND xã gửi lên cấp huyện.

2. Cấp huyện: Trên cơ sở kế hoạch đề xuất của các xã, UBND huyện tổ chức rà soát, tổng hợp thành dự án của huyện, thẩm định, đồng thời gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến thống nhất để UBND huyện quyết định phê duyệt.

3. Cấp tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự án các huyện thành dự án tổng thể của tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 12. Lập kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng hàng năm

1. Cấp xã: Vào tháng 5 hàng năm, căn cứ kế hoạch đầu tư giai đoạn 2006-2010 của xã đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND xã lập kế hoạch đầu tư của năm, báo cáo Thường trực HĐND xã thông qua, trình UBND huyện.

2. Cấp huyện:

a) UBND huyện hướng dẫn các xã lập kế hoạch, tổng hợp trình UBND tỉnh vào tháng 6 của năm trước năm kế hoạch.

b) Về kế hoạch vốn: Bố trí mức lũy kế đạt 100% cho công trình hoàn thành và quyết toán; mức vốn lũy kế đạt 80-90% dự toán đối với công trình chuyển tiếp; mức vốn tối thiểu 40-60% dự toán cho công trình khởi công mới.

c) Về danh mục khởi công mới: Tên công trình lấy theo tên thôn, bản được hưởng lợi kèm theo qui mô; ước tổng mức đầu tư, trước hết ưu tiên đầu tư khắc phục công trình bị thiệt hại do thiên tai.

3. Cấp tỉnh:

a) Vào tháng 7 của năm trước kế hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch của các huyện, trình UBND tỉnh quyết định giao kế hoạch danh mục chuẩn bị đầu tư cho từng huyện.

b) Vào quý IV năm trước năm kế hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh quyết định giao kế hoạch đầu tư các công trình năm kế hoạch (các công trình đã có Báo cáo kinh tế-kỹ thuật được duyệt).

Điều 13. Thời hạn đầu tư công trình

1. Thời hạn thi công để hoàn thành công trình: Công trình có tổng mức vốn dưới 01 tỷ đồng phải hoàn thành trong năm kế hoạch; công trình có mức vốn đầu tư từ 01 tỷ đồng trở lên không quá 02 năm, trừ trường hợp đặc biệt.

2. Vốn bố trí đầu tư tất cả các công trình phải được cân đối đủ vốn đầu tư trong thời gian không quá 02 năm.

Điều 14. Phân cấp quản lý đầu tư công trình xây dựng

1. Phân cấp quyết định đầu tư: Các công trình đầu tư không phân theo tổng mức đầu tư, không phải lập dự án đầu tư, chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, đều do UBND cấp huyện quyết định đầu tư, phê duyệt các thủ tục đầu tư công trình. Đối với những công trình đầu tư lồng ghép từ nhiều nguồn vốn, do UBND tỉnh quyết định.

2. Chủ đầu tư:

a) Các công trình đầu tư đều do UBND huyện hoặc UBND xã làm chủ đầu tư, đại diện cho UBND huyện làm chủ đầu tư là Ban quản lý xây dựng cơ bản của huyện, đại diện cho UBND cấp xã chủ đầu tư là Ban quản lý xây dựng cơ bản của xã.

b) Ủy ban nhân dân huyện phân cấp cho UBND xã có cán bộ đủ năng lực theo pháp luật quy định làm chủ đầu tư các công trình có quy mô, tổng mức vốn đầu tư phù hợp.

Điều 15. Trình tự, thủ tục đầu tư công trình

1. Lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

a) Tất cả các gói thầu tư vấn xây dựng công trình được phép lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu.

b) Căn cứ kế hoạch giao, chủ đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ điều kiện, năng lực theo qui định thực hiện việc khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan làm đầu mối nhận hồ sơ là phòng Tài chính kế hoạch huyện.

2. Lập, trình duyệt nhiệm vụ thiết kế.

a) Chủ đầu tư tổ chức lập nhiệm vụ thiết kế trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nội dung nhiệm vụ thiết kế theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng;

c) Công trình thuộc thẩm quyền cấp tỉnh (có bố trí lồng ghép nguồn vốn khác) giao Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối phối hợp với cơ quan có chuyên ngành xây dựng ở tỉnh thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt;

d) Công trình thuộc thẩm quyền cấp huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch làm đầu mối phối hợp với các phòng chức năng ở huyện thẩm định trình UBND huyện phê duyệt.

3. Lập, trình duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế thi công và dự toán.

a) Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo qui định của Pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng, phù hợp với nhiệm vụ thiết kế được duyệt. Trong hồ sơ thiết kế thi công và dự toán công trình phải thống nhất với UBND xã tách riêng khối lượng, kinh phí giao cho nhân dân xã tự tổ chức thi công.

b) Công trình thuộc thẩm quyền cấp tỉnh quyết định đầu tư:

Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối nhận hồ sơ, thẩm định thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; lấy ý kiến thẩm định bản vẽ cơ sở trong thiết kế thi công (tổng mặt bằng, phương án kiến trúc hướng tuyến, cao độ và kết cấu các hạng mục chính ...) của các sở có chuyên ngành, tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt. Căn cứ Báo cáo kinh

tế - kỹ thuật được UBND tỉnh phê duyệt, UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế thi công và dự toán.

c) Công trình thuộc thẩm quyền cấp huyện quyết định đầu tư:

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện làm đầu mối thẩm định, thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật lấy kết quả thẩm định thiết kế thi công - dự toán của các phòng chức năng liên quan để tổng hợp trình UBND huyện phê duyệt một bước báo cáo kinh tế - kỹ thuật - thiết kế thi công và dự toán.

d) Chủ đầu tư có thể thuê các tổ chức tư vấn có đủ tư cách pháp nhân, điều kiện, năng lực theo quy định để thẩm định thiết kế thi công và dự toán công trình.

4. Lựa chọn nhà thầu xây lắp.

a) Việc lựa chọn các doanh nghiệp thi công xây lắp công trình, mua sắm thiết bị thực hiện theo Luật đấu thầu ngày 29/11/2005, Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 5/5/2008 của Chính phủ quy định hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng và các quy định của Pháp luật về đấu thầu;

b) UBND cấp huyện chủ động tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các công trình đầu tư thuộc thẩm quyền của huyện. Riêng đối với các công trình có lồng ghép các nguồn vốn khác, UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu, các thủ tục còn lại theo quy định, do huyện thực hiện;

c) Được phép chỉ định thầu trong các trường hợp: Gói thầu xây lắp giao cho doanh nghiệp có giá trị dưới 01 tỷ đồng; gói thầu mua sắm hàng hoá thuộc dự án đầu tư phát triển có giá trị dưới 01 tỷ đồng; gói thầu mua sắm hàng hoá thuộc dự án hoặc dự toán mua sắm thường xuyên (nếu có). Thuộc nguồn vốn sự nghiệp có giá trị dưới 100 triệu đồng. Khuyến khích tổ chức đấu thầu cho các trường hợp được phép chỉ định thầu;

d) Công trình có thể được chia thành các gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hoá và công trình do tổ, đội ở địa phương tổ chức thực hiện (không tổ chức lựa chọn thầu).

5. Huy động lực lượng địa phương tham gia (nhân dân, các đoàn thể, lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn xã gọi tắt là đội thi công của xã).

a) Công trình đầu tư có khối lượng sử dụng lao động phổ thông, trước hết ưu tiên cho tổ thi công của xã ký hợp đồng xây lắp với Ban quản lý dự án, tổ chức lao động địa phương thi công;

b) Khối lượng công trình giao cho đội thi công của xã được giao theo trình tự sau:

Đại diện đội thi công báo cáo UBND xã về tổng số người, tổng số công tham gia xây dựng công trình để UBND xã đăng ký với Ban quản lý dự án (ngay sau khi có kế hoạch chuẩn bị đầu tư của UBND tỉnh giao). Ban quản lý dự án căn cứ số lượng công lao động của xã đăng ký, chỉ đạo Tư vấn tách riêng phần khối lượng giao cho đội thi công của xã trong hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình;

c) Trong các Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và hợp đồng thi công xây lắp phải xác định rõ khối lượng công việc, kinh phí giao cho các nhà thầu thực hiện và phân nhân dân tham gia;

d) Ký hợp đồng thi công, Ban quản lý dự án, nhà thầu và nhân dân tham gia thi công phải có kế hoạch phối hợp thi công công trình để đảm bảo chất lượng và tiến độ thời gian.

6. Cấp phép xây dựng: Các công trình đầu tư không phải xin cấp phép xây dựng.

7. Khởi công xây dựng: Các công trình được khởi công xây dựng phải có trong kế hoạch hàng năm và đảm bảo đủ các thủ tục quản lý và đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý chất lượng công trình

Quản lý chất lượng trong quá trình đầu tư xây dựng công trình theo Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy định của pháp luật hiện hành đồng thời có sự giám sát thường xuyên của Ban Giám sát xã (chi phí hoạt động của Ban giám sát được lấy trong kinh phí đầu tư từng công trình).

9. Nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, quyết toán công trình.

a) Công trình hoàn thành chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, bàn giao cho UBND xã để giao cho cơ quan, đại diện cơ sở sử dụng công trình. Thành phần tham gia nghiệm thu, bàn giao công trình gồm: Đại diện chủ đầu tư, giám sát của chủ đầu tư; đại diện nhà thầu thi công xây lắp; đại diện đơn vị tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật; đại diện Ban Giám sát xã; đại diện cơ quan, cơ sở sử dụng, tùy trường hợp cụ thể chủ đầu tư mời thêm các thành phần có liên quan tham gia nghiệm thu;

b) Công trình thi công xong phải gắn biển vĩnh cửu tại vị trí phù hợp, ghi: Chương trình 135 giai đoạn II; tên công trình; tháng, năm khởi công; tháng, năm hoàn thành;

c) Quyết toán công trình: Chậm nhất sau 06 tháng kể từ khi công trình thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao sử dụng phải được quyết toán xong. Trình tự việc quyết toán công trình theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành. UBND tỉnh giao Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể về quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành;

d) Bảo hành công trình: Công trình xây dựng xong phải được bảo hành theo quy định của Pháp luật;

đ) Quản lý khai thác, bảo trì công trình: Thực hiện theo quy định của UBND tỉnh về việc phân cấp quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa công trình cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 16. Quản lý vốn đầu tư

1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư.

a) Căn cứ hạn mức vốn của Trung ương thông báo hàng năm, UBND tỉnh phân bổ tổng mức vốn đầu tư cơ sở hạ tầng cho từng huyện (với mức số xã nhân bình quân một xã). Vốn đầu tư hàng năm ở huyện không phân bổ chia đều cho từng xã, mà căn cứ điều kiện, nhu cầu thực tế đầu tư công trình phù hợp dự án cả giai đoạn của huyện;

b) Ưu tiên vốn đầu tư công trình có nhu cầu bức sức cho thôn, bản đặc biệt khó khăn, khắc phục hậu quả thiên tai, phục vụ sắp xếp dân cư, bố trí cân đối thanh toán công trình đảm bảo thời hạn đầu tư theo quy định;

c) Vốn giao hàng năm cho từng công trình bao gồm chi phí tất cả các khâu trong quá trình đầu tư, chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, kết thúc xây dựng;

d) Hàng năm vốn của của huyện mà không thực hiện thanh toán hết, UBND tỉnh sẽ thu hồi để giao cho các huyện khác thực hiện tốt hơn, trừ trường hợp có lý do khách quan ảnh hưởng đến tiến độ của từng huyện.

2. Lập và quản lý chi phí đầu tư

Định mức chi phí đầu tư các công trình theo Thông tư số 01/2006/TT-BXD ngày 17/5/2006 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 và các quy định của pháp luật về định mức, đơn giá xây dựng công trình.

3. Tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư

a) Sau khi có ký kết hợp đồng xây lắp giữa Ban quản lý dự án với đơn vị thi công, bên thi công được tạm ứng tối đa 30% mức vốn kế hoạch giao trong năm đối với doanh nghiệp thi công, 50% đối với tổ, đội của xã thi công;

b) Trình tự, thủ tục tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư công trình do Kho bạc Nhà nước tỉnh hướng dẫn thực hiện.

Điều 17. Tổ chức thực hiện dự án

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Làm đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện dự án;

b) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Ban Dân tộc và UBND các huyện cân đối bố trí nguồn vốn đầu tư báo cáo UBND tỉnh;

c) Hướng dẫn UBND các huyện thực hiện xây dựng dự án cả giai đoạn 2006-2010, lập kế hoạch đầu tư cụ thể; chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Ban Dân tộc và UBND các huyện tham mưu cho UBND tỉnh cân đối nguồn lực kể cả việc lồng ghép các nguồn vốn phù hợp, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư hàng năm.

d) Phối hợp với các ngành liên quan, UBND các huyện hướng dẫn tổ chức hoạt động cụ thể của Ban quản lý dự án và ban giám sát cấp xã.

đ) Hướng dẫn công tác báo cáo của cấp huyện, cấp xã.

2. Sở Tài chính: phối hợp với Sở Kế hoạch Đầu tư lồng ghép, cân đối nguồn vốn đầu tư; hướng dẫn các huyện, xã chủ đầu tư về định mức chi, công tác thanh quyết toán công trình.

3. Kho bạc Nhà nước tỉnh: Quản lý hướng dẫn trình tự, thủ tục việc cấp phát tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư.

4. Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng phối hợp tổ chức thực hiện.

5. UBND các huyện: Tổ chức chỉ đạo quản lý đầu tư trên địa bàn đảm bảo đúng qui định, kế hoạch và hiệu quả; kiện toàn Ban quản lý dự án và Ban giám sát cấp xã để thực hiện tốt các chức năng của cơ sở.

6. Ủy ban nhân dân các xã: Chỉ đạo, tổ chức thực hiện đầu tư các công trình được giao làm chủ đầu tư; phối hợp với Ban quản lý dự án huyện quản lý đầu tư các

công trình trên địa bàn; chỉ đạo tổ thi công, nhân dân phối hợp với nhà thầu thi công công trình đúng tiến độ, kế hoạch; tổ chức việc quản lý khai thác, bảo trì công trình theo quy định; phối hợp với Ban giám sát xã kiểm tra, giám sát các công trình đầu tư trên địa bàn đảm bảo hiệu quả.

Mục 3

DỰ ÁN ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CÁN BỘ XÃ, THÔN VÀ CỘNG ĐỒNG

Điều 18. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng.

1. Cán bộ một số ngành, cơ quan có liên quan của huyện, tỉnh;
2. Cán bộ, công chức cá xã thuộc Chương trình 135 và các xã có thôn thuộc Chương trình 135 giai đoạn II;
3. Cán bộ cấp trên tăng cường về xã;
4. Các thành viên trong Ban quản lý và Ban giám sát xã;
5. Cán bộ nguồn trong diện quy hoạch của xã;
6. Cộng tác viên trợ giúp pháp lý ở xã, thành viên câu lạc bộ trợ giúp pháp lý ở xã;
7. Trưởng thôn, bản, người có uy tín trong cộng đồng của thôn, bản;
8. Những người sản xuất giỏi có vai trò tích cực trong công tác xoá đói giảm nghèo phát triển nông thôn ở địa phương;
9. Một số hộ nghèo, hộ thoát nghèo ở xã, thôn, bản;
10. Thanh niên người dân tộc thiểu số và thanh niên thuộc hộ nghèo trong độ tuổi từ 16-25 của xã, thôn, bản thuộc Chương trình 135 giai đoạn II (áp dụng chính sách bồi dưỡng nghề cho lao động nông thôn).

Trong những đối tượng trên, ưu tiên cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ.

Điều 19. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng

1. Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình 135, kiến thức về quản lý đầu tư, phương pháp xây dựng dự án, lập kế hoạch, điều hành thực hiện, đánh giá giám sát, báo cáo tổng hợp các dự án thành phần Chương trình 135 giai đoạn II.
2. Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi.
3. Quy chế dân chủ ở cơ sở và sự tham gia của cộng đồng trong việc thực hiện chương trình lập kế hoạch, giám sát đầu tư.
4. Một số chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế xã hội giai đoạn (2006-2010) của tỉnh thuộc 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa của Đảng bộ tỉnh.
5. Kiến thức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, tín dụng cho người nghèo, mô hình xoá đói giảm nghèo.
6. Một số chuyên đề tổng hợp về quản lý quy hoạch, kế hoạch kinh tế xã hội, quản lý ngân sách, quản lý chính quyền cơ sở.
7. Các kiến thức nghề phù hợp với nhu cầu của người lao động trên địa bàn tỉnh;
8. Kiến thức pháp luật có liên quan.

Điều 20. Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng

1. Trên cơ sở tài liệu do các Bộ, ngành Trung ương biên soạn, đồng thời căn cứ vào những yêu cầu và điều kiện đặc thù của tỉnh. Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp thống nhất cùng các ngành tổ chức biên soạn, in ấn giáo trình, tài liệu phục vụ cho việc đào tạo bồi dưỡng trên địa bàn toàn tỉnh theo kế hoạch hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đối với từng huyện, trường hợp cần thiết bổ sung tài liệu có tính đặc thù thì do UBND huyện chuẩn bị và đưa vào chương trình giảng dạy cho phù hợp với từng loại đối tượng, hàng năm sẽ tổ chức biên tập, chỉnh lý tài liệu cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

3. Quá trình thực hiện căn cứ theo từng loại đối tượng áp dụng chương trình, bài giảng cho phù hợp:

a) Bồi dưỡng cán bộ huyện và giảng viên, nội dung về nhận thức quan điểm; các điểm mới của cơ chế, chính sách; phương pháp vận dụng, tổ chức triển khai thực hiện.

b) Bồi dưỡng cán bộ xã, nội dung về các cơ chế chính sách cụ thể, phương pháp cách thức triển khai thực hiện, quản lý, theo dõi, giám sát và báo cáo.

c) Bồi dưỡng trưởng thôn, bản, cộng đồng và hộ dân về các nội dung cơ bản của các cơ chế chính sách, vai trò tham gia quản lý, thực hiện các dự án, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội và xoá đói giảm nghèo, một số kỹ thuật cơ bản về sản xuất nông, lâm nghiệp, kỹ năng quản lý thôn, bản, huy động sự tham gia của cộng đồng.

Điều 21. Tổ chức, hình thức đào tạo bồi dưỡng

1. Bồi dưỡng cán bộ huyện, xã và thôn bản:

a) Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp cùng các ngành tổ chức mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại tỉnh cho những giảng viên của huyện, một số ban ngành ở tỉnh; cán bộ chủ chốt của các xã và cán bộ được tăng cường về xã. Hình thức chủ yếu là mở lớp tập trung ngắn hạn tại tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân các huyện chủ trì tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng cho các đối tượng còn lại tại huyện do giảng viên của huyện đảm nhiệm, có thể mời giảng viên của tỉnh hỗ trợ. Hình thức chủ yếu là mở lớp tập trung ngắn hạn tại huyện.

2. Bồi dưỡng nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số.

a) Ủy ban nhân dân các huyện chủ trì tổ chức mở lớp, phối hợp với các đơn vị làm dịch vụ đào tạo ở tỉnh: Trung tâm dạy nghề Tỉnh Hội phụ nữ, Trung tâm Dạy nghề Tỉnh đoàn thanh niên, Trung tâm Dạy nghề Hội nông dân tỉnh,... Đối với các huyện đã có trung tâm dạy nghề thì giao cho Trung tâm đảm nhiệm việc dạy nghề theo kế hoạch. Đối với các huyện chưa có Trung tâm dạy nghề, Sở Lao động Thương binh và Xã hội lập kế hoạch đào tạo và đăng ký nhu cầu của các huyện để thực hiện phân bổ chỉ tiêu đào tạo các lớp cho các cơ sở đào tạo của tỉnh. Hình thức chủ yếu là mở lớp tập trung ngắn hạn, ngắn hạn tại huyện, tại trung tâm cụm xã và tại xã.

b) Ngoài các hình thức nêu trên các ngành và các huyện phối hợp tổ chức bồi dưỡng tập trung tại chỗ bằng các hình thức khác như: Phổ biến tại các cuộc họp,

tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh thôn, bản, phát tài liệu, tham quan học tập trong và ngoài tỉnh.

Điều 22. Trình tự xây dựng dự án, kế hoạch

1. Dự án đào tạo: (kế hoạch đào tạo giai đoạn 2006 - 2010) được tổng hợp thành 01 dự án toàn tỉnh theo trình tự sau:

a) Cấp xã: căn cứ mức vốn bình quân của dự án đầu tư cho một xã, thôn thuộc Chương trình 135 giai đoạn II, phạm vi đối tượng, nội dung đào tạo đã quy định; UBND xã thống kê, phân loại trình độ, năng lực chuyên môn, lựa chọn những đối tượng có nguyện vọng đào tạo, bồi dưỡng để lập danh sách, thông qua thường trực HĐND xã báo cáo lên UBND huyện;

b) Cấp huyện: trên cơ sở kế hoạch của UBND các xã, tổ chức rà soát, tổng hợp nhu cầu đào tạo từng nội dung trên địa bàn huyện, đồng thời đề xuất phương án tổ chức thực hiện gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội

c) Cấp tỉnh: trên cơ sở đề xuất của UBND các huyện, Sở lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp thành dự án chung toàn tỉnh, lấy ý kiến các ngành liên quan trình UBND tỉnh phê duyệt;

d) Dự toán được duyệt gửi đến các ngành liên quan, các huyện, các xã để quản lý, theo dõi và triển khai thực hiện. riêng từng xã chỉ gửi các nội dung, chỉ tiêu nội dung của dự án liên quan đến phần thực hiện đào tạo các đối tượng của xã.

2. Kế hoạch hàng năm:

Hàng năm căn cứ dự án được UBND tỉnh phê duyệt, UBND xã rà soát, đề xuất nhu cầu đào tạo, lập danh sách học viên theo từng nội dung đào tạo, báo cáo thường trực HĐND xã, trình lên UBND huyện tổ chức tổng hợp nhu cầu trên địa bàn, gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội để chủ trì phối hợp các ngành liên quan lập kế hoạch đào tạo trong năm, trình UBND tỉnh phê duyệt, bao gồm:

a) Tổng chỉ tiêu kế hoạch bồi dưỡng;

b) Chỉ tiêu kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giao cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh gồm: đào tạo giảng viên của huyện và một số ngành tỉnh; đào tạo bồi dưỡng cán bộ chủ chốt và cán bộ 135 của cấp xã;

c) Chỉ tiêu kế hoạch giao cho các huyện gồm: Đào tạo bồi dưỡng cán bộ xã và thôn bản, bồi dưỡng nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số;

Riêng đối với chỉ tiêu bồi dưỡng nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số thực hiện phương thức tạm giao kế hoạch hàng năm cho các huyện. UBND tỉnh chỉ giao tổng số chỉ tiêu bồi dưỡng nghề, Chủ tịch UBND huyện căn cứ vào nhu cầu thực tế ở địa phương để phân bổ và giao chỉ tiêu bồi dưỡng nghề cụ thể và cần thiết thì điều chỉnh cho phù hợp. Trên cơ sở thực hiện tình hình thực hiện tổng chỉ tiêu kế hoạch của các huyện, hết sáu tháng đầu năm Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì thống nhất với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét điều chỉnh giữa các huyện cho phù hợp với khả năng thực hiện và nhu cầu thực tế của từng địa phương, không để xảy ra tình trạng trùng lặp nội dung, đối tượng đào tạo.

Điều 23. Lồng ghép dự án đào tạo

Đối với các chương trình, dự án thuộc nguồn vốn khác có một số đối tượng, nội dung đào tạo giống như quy định tại Điều 18,19 của Quy định này thì có thể lồng ghép để đào tạo cùng với các đối tượng ở xã, thôn, bản không thuộc Chương trình 135 giai đoạn II, nhưng chi phí đào tạo các đối tượng ở xã, thôn, bản ngoài danh sách Chương trình 135 không sử dụng nguồn vốn Chương trình 135.

Điều 24. Tiêu chuẩn, chế độ đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với cán bộ ở cấp xã và thôn, bản: việc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được vận dụng theo một số nội dung chi phù hợp với loại hình đào tạo, bồi dưỡng quy định tại Thông tư số 79/2005/TT-BTC ngày 15/9/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước. Đối với công chức cấp xã và cán bộ không chuyên trách ở xã, thôn, bản và những đối tượng khác thuộc diện hỗ trợ kinh phí học tập, ăn, ở, đi lại; chế độ công tác phí, chế độ hội nghị: mức hỗ trợ kinh phí được thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành.

2. Đối với việc bồi dưỡng nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số mức hỗ trợ cho cơ sở dạy nghề và hỗ trợ cho người học nghề thực hiện theo Quyết định số 81/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ cho dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn và các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách dạy nghề cho lao động nông thôn.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thống nhất quản lý dự án trên địa bàn toàn tỉnh, cụ thể như sau:

a) Hướng dẫn UBND cấp huyện, UBND cấp xã xây dựng kế hoạch đào tạo cả giai đoạn và hàng năm;

b) Tổng hợp kế hoạch (kể cả việc lồng ghép) lập dự án đào tạo và thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trình UBND tỉnh phê duyệt;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi kế hoạch và việc thực hiện mở lớp của các huyện;

d) Chủ trì thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá và điều chỉnh (nếu cần thiết) chỉ tiêu kế hoạch bồi dưỡng nghề hàng năm của các huyện;

đ) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan biên soạn, in ấn và cấp phát tài liệu đào tạo, bồi dưỡng trong phạm vi dự án trên địa bàn tỉnh trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch được giao;

e) Trực tiếp mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại tỉnh cho đội ngũ giảng viên, cán bộ chủ chốt của các xã và cán bộ 135 giai đoạn II;

f) Hướng dẫn các đơn vị báo cáo và tổng hợp báo cáo kết quả định kỳ thực hiện dự án theo quy định.

2. Các ngành chức năng liên quan có trách nhiệm tham mưu cân đối đảm bảo kinh phí thực cho thực hiện dự án, phối hợp biên soạn tài liệu, tham gia giảng dạy theo kế hoạch chung của tỉnh và nhu cầu của các huyện.

3. Sở Tài chính hướng dẫn chi tiết việc quản lý kinh phí đào tạo.

4. UBND các huyện có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất, đăng ký kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho các loại đối tượng ở địa phương, tổ chức thực hiện chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng theo đúng quy định.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 26. UBND tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về Chương trình 135 giai đoạn II trên địa bàn tỉnh Lào Cai và giao cho các cơ quan chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các dự án thành phần thuộc Chương trình 135 giai đoạn II, cụ thể như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất.
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu.
3. Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Dự án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn bản và cộng đồng.
4. Ban Dân tộc: Chính sách Hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật.
5. Các sở, ban, ngành liên quan như: Sở Xây dựng, Giao thông - Vận tải, Nội vụ, Tài chính, Kho bạc Nhà nước có văn bản hướng dẫn về lĩnh vực chuyên môn mình quản lý; kiểm tra giám sát chất lượng công trình, quy hoạch, cấp phát vốn đầu tư, quyết toán vốn đầu tư, các chế độ, chính sách để cấp huyện và cấp xã thực hiện theo đúng qui định của pháp luật.

Điều 27. Ủy ban nhân dân các huyện

1. Phân công và giao trách nhiệm cụ thể cơ quan thường trực, cơ quan phụ trách dự án thành phần thuộc Chương trình 135 giai đoạn II ở huyện; củng cố, tăng cường lực lượng cho các phòng, ban chuyên môn (Ban quản lý dự án, các bộ phận thẩm định thủ tục hồ sơ dự án, chỉ đạo thực hiện ở huyện) đảm bảo thực hiện tốt chức năng quản lý, chỉ đạo thực hiện chương trình.
2. Thành lập, kiện toàn Ban quản lý dự án và Ban giám sát cấp xã; tăng cường sự kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện ở cơ sở đảm bảo thực hiện chương trình có hiệu quả.

Điều 28: Trong quá trình triển khai, thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Ban Dân tộc tỉnh (cơ quan thường trực Chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. *Jh.*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Cường

1